

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18/8/2020

V/v: "tranh chấp

Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Tạ Quang Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Vũ Bích H, sinh năm 1985

Nơi cư trú: tổ 1, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1979

Nơi cư trú: thôn Y, xã P, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

(chị H và anh B đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Bích H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị kết hôn với anh Nguyễn Đình B năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh B. Thời gian đầu, tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2013, anh B nghiện ma túy, chị đã cai nghiện tại nhà cho anh B rất nhiều lần nhưng không được. Đến năm 2019, anh B nhiều lần đánh đập chị trước mặt các con. Tháng 3/2020, anh B

bỏ đi khỏi nhà từ đó đến nay không về nhà nữa. Nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh B, chị yêu cầu ly hôn anh B.

- Về con chung: chị và anh B có 03 con chung là: Nguyễn Tùng L, sinh ngày 11/7/2003, Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 07/9/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Đình B trình bày:*

- Anh kết hôn với chị Vũ Bích H năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại phường Đ, thành phố T. Trong quá trình chung sống, anh chị không hợp nhau, vợ chồng không có sự hoà thuận. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn chị H.

- Về con chung: anh và chị H có 03 con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 11/7/2003, Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 07/9/2012. Hiện nay, các con chung đang sống với mẹ. Anh đồng ý để chị H nuôi cả 03 con khi ly hôn.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn anh B. Giao cả 03 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị H nộp đơn yêu cầu ly hôn anh B, cư trú tại thôn Y, xã P, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị H và anh B vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh B:

Chị H và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau. Từ tháng 3/2020 đến nay, anh chị đã sống ly thân. Qua xác minh, gia đình và địa phương đều cho biết chị H và anh B nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do không tôn trọng nhau. Nay, chị H yêu cầu ly hôn thì anh B cũng đồng ý. HĐXX thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh B.

[4] Về con chung: Chị H và anh B có 03 con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 11/7/2003, Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 07/9/2012. Hiện nay các cháu đều đang ở với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi cả 3 cháu khi anh chị ly hôn, anh B cũng đồng ý để 3 cháu ở với chị H. Cả 3 cháu đều thể hiện nguyện vọng được tiếp tục ở với chị H. HĐXX thấy, hiện nay chị H có đủ điều kiện nuôi dưỡng các con chung, các con chung đều phát triển B thường. Nay anh chị đều nhất trí để các cháu ở với chị H, ý kiến của anh chị phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên HĐXX giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Bích H được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Vũ Bích H tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 11/7/2003; Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 07/9/2012.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

- Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh B thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Vũ Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006408 ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND phường Đ
TP T;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng

